

Bản án số: 303/2024/DS-ST

Ngày 30/9/2024

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐÔNG ĐA - THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Công Hách

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Mai

Ông Nguyễn Hải Phùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hương – Thư ký Tòa án nhân dân quận Đông Đa, Thành phố Hà Nội.

Viện kiểm sát nhân dân quận Đông Đa tham gia phiên tòa: Bà Phạm Hà Thanh – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Đông Đa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 76/2024/TLST-DSST ngày 29 tháng 03 năm 2024 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 313/2024/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 288/2024/QĐST-DS ngày 11 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S (S1);

Địa chỉ trụ sở: Số B - B N, Phường V, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D – Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phan A - Nhân viên Công ty TNHH MTV Q và khai thác tài sản Ngân hàng S; Địa chỉ: Tầng B số B - B Bà T, phường L, quận H, Thành phố Hà Nội. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Đỗ Anh D1, sinh năm: 1985;

Nơi ĐKKHT: 16 – K10 Tập thể T18, phường K, quận Đ, Thành phố Hà Nội.

Nơi cư trú: Số C L, phường T, quận Đ, Thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 14/01/2024 và văn bản tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng thương mại cổ phần S ông Phan A trình bày như sau:

Ngày 26/9/2017, ông Đỗ Anh D1 có ký với Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là Ngân hàng). Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng, bản Điều khoản, Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của ông D1, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ số thẻ 472075 – 2384 với hạn mức sử dụng là 29.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, ông D1 đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 28.985.000 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông D1 đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 14.000.000 đồng. (Thứ tự thanh toán áp dụng theo Điều 20 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, kể từ ngày chuyển nợ quá hạn sẽ thanh toán theo thứ tự gốc trước, lãi sau).

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông D1 vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông D1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 01/03/2018 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Lãi suất quá hạn: $2.15\% \times 150\% = 3.225\%$ / tháng.

Tính đến ngày 30/9/2024, ông D1 còn nợ Ngân hàng tổng cộng: 74.830.181 đồng (Bằng chữ: Bảy mươi tư triệu tám trăm ba mươi nghìn một trăm tám mươi một đồng), trong đó nợ gốc: 20.248.550 đồng, lãi quá hạn 54.581.631 đồng.

Mặc dù Ngân hàng đã yêu cầu ông D1 có trách nhiệm thanh toán, tuy nhiên ông D1 vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã quy định tại Hợp đồng đã ký.

Nay Ngân hàng đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông Đỗ Anh D1 phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 30/09/2024 là 74.830.181 đồng (Bằng chữ: Bảy mươi tư triệu tám trăm ba mươi nghìn một trăm tám mươi một đồng).

Buộc ông Đỗ Anh D1 có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh sau ngày 30/9/2024 cho đến khi trả dứt nợ gốc vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Về án phí: Ngân hàng đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, ngân hàng không có yêu cầu gì khác.

Quá trình tiến hành giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành thông báo cho ông Đỗ Anh D1 biết Tòa án đã thụ lý vụ án tranh chấp Hợp đồng tín dụng do Ngân hàng TMCP S khởi kiện đối với ông Đỗ Anh D1 và triệu tập ông D1 đến Tòa để giải quyết vụ án,

nhưng ông D1 không đến Tòa thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng dân sự giải quyết vụ án. Qua xác minh tại Công an phường K thể hiện ông Đỗ Anh D1 không còn sinh sống tại địa chỉ đăng ký HKTT: 16 – K10 Tập thể T, phường K, quận Đ, Thành phố Hà Nội, hiện tại ông D1 đang cư trú tại số C L, phường T, quận Đ, Thành phố Hà Nội. Tòa án tổng đạt văn bản tố tụng cho ông D1 tại địa chỉ nêu trên nhưng ông D1 không cư trú. Qua xác minh tại Công an phường T thể hiện ông Đỗ Anh D1 có cư trú tại địa chỉ số C L, phường T, quận Đ, Thành phố Hà Nội nhưng hiện tại ông Đỗ Anh D1 không còn ở tại địa chỉ trên, đã chuyển đi nơi khác nhưng không rõ địa chỉ ở đâu. Theo quy định tại khoản 3 Điều 40 Bộ luật dân sự năm 2015 và điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật dân sự năm 2015 thì việc ông Đỗ Anh D1 chuyển đi nơi khác không còn ở tại địa chỉ ghi trong các Hợp đồng tín dụng mà ông D1 ký kết với Ngân hàng TMCP S thì ông D1 phải có nghĩa vụ thông báo cho Ngân hàng TMCP S biết về việc thay đổi địa chỉ cư trú của ông D1. Việc ông D1 thay đổi địa chỉ không thông báo cho Ngân hàng được coi là cố tình giấu địa chỉ nên theo quy định của pháp luật Tòa án nhân dân quận Đống Đa đã niêm yết các thông báo, giấy báo và quyết định của Tòa án tại địa chỉ cư trú cuối cùng và nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của ông D1. Vì vậy, Tòa án căn cứ vào các quy định của pháp luật ra quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Ngân hàng TMCP S có đơn xin xét xử vắng mặt và đề nghị vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án nhân dân quận Đống Đa buộc ông Đỗ Anh D1 thanh toán cho Ngân hàng số tiền tạm tính đến ngày 30/09/2024 là 74.830.181 đồng (Bằng chữ: Bảy mươi tư triệu tám trăm ba mươi nghìn một trăm tám mươi một đồng), trong đó nợ gốc: 20.248.550 đồng, lãi quá hạn 54.581.631 đồng.

Tại phiên tòa ông Đỗ Anh D1 vẫn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Đống Đa tham gia phiên tòa có ý kiến:

Về tố tụng: Quá trình tòa án tiến hành thụ lý vụ án cho đến khi quyết định đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán, thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật, tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử đã tiến hành tố tụng theo đúng các quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Bị đơn không chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Đống Đa nhận định, đánh giá tính hợp pháp của Hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng TMCP S với ông Đỗ Anh D1 và có ý kiến đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S, buộc ông Đỗ Anh D1 có trách nhiệm thanh toán trả cho Ngân hàng TMCP S toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi tính đến ngày 30/9/2024 là: 74.830.181 đồng và lãi phát sinh tính từ ngày 01/10/2024 cho đến khi thanh toán hết nợ theo mức lãi suất thỏa thuận trong

Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và Bản điều khoản Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng tương ứng với thời gian chưa thanh toán.

Ông Đỗ Anh D1 phải chịu án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ yêu cầu khởi kiện và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật trong vụ án dân sự này là “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn ông Đỗ Anh D1 có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại số A - K10 Tập thể T, phường K, quận Đ, Thành phố Hà Nội và nơi cư trú tại số C L, phường T, quận Đ, Thành phố Hà Nội. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Đống Đa theo khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập, triệu tập ông Đỗ Anh D1 đến tham gia phiên tòa, thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng dân sự tại phiên tòa nhưng ông D1 vẫn vắng mặt. Nguyên đơn Ngân hàng TMCP S có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ngân hàng TMCP S và ông Đỗ Anh D1 là đúng quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Xét thấy, Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) ký ngày 26/09/2017 giữa Ngân hàng TMCP S và ông Đỗ Anh D1 được các bên ký trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật, vì vậy xác định là Hợp đồng hợp pháp có hiệu lực thi hành với các bên. Ông D1 được cấp thẻ số thẻ 472075-2384 với hạn mức sử dụng là 29.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Quá trình sử dụng thẻ tín dụng ông D1 đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền 28.985.000 đồng, ông D1 đã thanh toán cho ngân hàng là 14.000.000 đồng (Mười bốn triệu đồng). Sau đó ông D1 không tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng nữa mặc dù đã được Ngân hàng làm việc, nhắc nhở nhiều lần. Ngày 01/03/2018, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu của ông D1 sang nợ quá hạn theo Điều 23 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Nay ngân hàng xác nhận tạm tính đến ngày 30/9/2024 ông Đỗ Anh D1 còn nợ Ngân hàng số tiền nợ gốc và lãi là: 74.830.181 đồng (Bằng chữ: Bảy mươi tư triệu tám trăm ba mươi nghìn một trăm tám mươi một đồng), 20.248.550 đồng, lãi quá hạn 54.581.631 đồng. Ngân hàng đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông Đỗ Anh D1 phải thanh toán trả Ngân hàng toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi nêu trên.

[3.1]. Xét yêu cầu thanh toán số tiền nợ gốc: 20.248.550 đồng. Hội đồng xét xử căn cứ vào Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng, bản sao kê sử dụng thẻ tín dụng của ông Đỗ Anh D1 với Ngân hàng TMCP S đủ cơ sở xác nhận ông Đỗ Anh D1 còn nợ Ngân hàng số tiền nợ gốc là: 20.248.550 đồng (Hai mươi triệu, hai trăm bốn mươi tám nghìn, năm trăm năm mươi đồng) nên việc Ngân hàng TMCP S đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông Đỗ Anh D1 phải thanh toán trả Ngân hàng số tiền nợ gốc trên là có căn cứ chấp nhận và phù hợp với quy định của pháp luật.

[3.2]. Xét yêu cầu tính lãi: căn cứ Điều 23 Bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng thương mại cổ phần S quy định: Việc không thanh toán ít nhất số tiền tối thiểu của chủ thẻ cho đến kỳ phát sinh thông báo tiếp theo sẽ tạo nên sự vi phạm theo hợp đồng. Trong trường hợp này toàn bộ tổng dư nợ sẽ trở nên đến hạn ngay lập tức và chủ thẻ phải thanh toán. Ông Đỗ Anh D1 sử dụng thẻ từ ngày 26/9/2017 quá trình sử dụng thẻ ông D1 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, Ngân hàng đã nhắc nhở ông D1, qua nhiều lần làm việc nhưng ông D1 không có thiện chí trả nợ. Do ông D1 vi phạm Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng nên ngày 01/03/2018 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu của ông L sang nợ quá hạn là đúng quy định của hợp đồng và phù hợp với các quy định của pháp luật về lãi suất được quy định khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng được sửa đổi, bổ sung năm 2010, Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao hướng dẫn về áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Tạm tính đến ngày 30/09/2024, ông D1 còn nợ Ngân hàng số tiền nợ gốc là: 20.248.550 đồng (Hai mươi triệu, hai trăm bốn mươi tám nghìn, năm trăm năm mươi đồng), lãi suất quá hạn được tính bằng 150% lãi suất trong hạn, tính từ ngày 01/03/2018 đến ngày 30/9/2024 là: 54.581.631 đồng (Năm mươi tư triệu, năm trăm tám mươi một nghìn, sáu trăm ba mươi một đồng). Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng TMCP S buộc ông Đỗ Anh D1 phải thanh toán số tiền nợ lãi quá hạn là: 54.581.631 đồng (Năm mươi tư triệu, năm trăm tám mươi một nghìn, sáu trăm ba mươi một đồng).

Như vậy, số tiền nợ gốc và lãi ông Đỗ Anh D1 phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP S là: 74.830.181 đồng (Bằng chữ: Bảy mươi tư triệu tám trăm ba mươi nghìn một trăm tám mươi một đồng).

Về án phí: Ngân hàng TMCP S được chấp nhận yêu cầu nên không phải chịu án dân sự sơ thẩm. Ông Đỗ Anh D1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải thanh toán theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Đống Đa tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về hướng giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 146, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Điều 91; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

- Căn cứ các Điều 463, 466 và khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao hướng dẫn về áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần S đối với ông Đỗ Anh D1 về việc thanh toán số tiền chậm trả theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và Bản điều khoản Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng.

Xác nhận ông Đỗ Anh D1 còn nợ Ngân hàng TMCP S số tiền nợ gốc và lãi là 74.830.181 đồng (Bằng chữ: Bảy mươi tư triệu tám trăm ba mươi nghìn một trăm tám mươi một đồng), trong đó nợ gốc: 20.248.550 đồng, lãi quá hạn 54.581.631 đồng.

Buộc ông Đỗ Anh D1 phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền là 74.830.181 đồng (Bằng chữ: Bảy mươi tư triệu tám trăm ba mươi nghìn một trăm tám mươi một đồng).

Về án phí: Ông Đỗ Anh D1 phải chịu 3.741.509 đồng (Chín triệu không trăm bốn mươi tám nghìn bốn trăm linh tám đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả Ngân hàng thương mại cổ phần S 1.741.576 đồng (Một triệu, bảy trăm bốn mươi một, năm trăm bảy mươi sáu đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Giấy thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 000001052981 ngày 19/3/2024 tại Công ty cổ phần T, Đơn vị nhận tiền: Chi cục thi hành án dân sự quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

Kể từ ngày tiếp theo ngày xử án sơ thẩm, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất thỏa thuận trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và Bản điều khoản Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, Ngân hàng thương mại cổ phần S và ông Đỗ Anh D1 vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Đống Đa;
- TAND TP Hà Nội;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Công Hách

